

Đông Anh, ngày 15 tháng 11 năm 2024

Số: **345/2024/QĐST-DS**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 290/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Trần Đức A, sinh năm 1968**

Bà Lê Thị B, sinh năm 1968

Cùng hộ khẩu thường trú: Tổ 17, phường TT, thành phố TN, tỉnh TN.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của của ông An, bà B là luật sư **Phạm Thị Hồng Vân** – Công ty Luật TNHH PV – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Ông Trần Mạnh Th, sinh năm 1976**

Hộ khẩu thường trú: Thôn ĐD, xã UN, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc ký kết và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Xác nhận: Từ ngày 11/10/2018 đến ngày 29/10/2018 ông Trần Đức A, bà Lê Thị B cho ông Trần Mạnh Th vay tổng số tiền là: **2.100.000.000 đồng** (Hai tỷ, một trăm triệu đồng). Cụ thể:

- Lần một: Ngày 11/10/2018, ông An, bà B cho ông Th vay 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng Việt Nam). Việc vay có lập Hợp đồng vay tiền số công chứng 4463, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh TN cùng ngày. Thời hạn vay: 02 năm kể từ ngày 11/10/2018 với lãi suất vay năm thứ nhất là 12.5%/năm và lãi suất vay năm thứ 2 là 15%/năm. Việc thanh toán tiền lãi được tiến hành 1 năm/lần.

Số tiền vay đã được ông A chuyển vào số tài khoản 0021000693017 cho ông Th cùng ngày (Theo phiếu ủy nhiệm chi ngày 11/10/2018).

- Lần hai: Ông Th vay vợ chồng ông A, bà B số tiền 1.100.000.000VNĐ (Một tỷ một trăm triệu Việt Nam đồng), số tiền vay này đã được bà B chuyển vào tài khoản của ông Th vào các ngày cụ thể:

+ Ngày 20/9/2018 bà B chuyển khoản 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào tài khoản của ông Th.

- + Ngày 20/9/2018 bà B chuyển khoản 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào tài khoản của ông Th.
- + Ngày 21/09/2018 bà B chuyển khoản 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vào tài khoản của ông Th.
- + Ngày 24/9/2018 bà B chuyển khoản 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản của ông Th.
- + Ngày 24/9/2018 bà B chuyển khoản 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) vào tài khoản của ông Th.
- + Ngày 29/10/2018 bà B chuyển khoản 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) vào tài khoản của ông Th.

Số tiền 1,1 tỷ đồng này chỉ có tài liệu chuyển khoản không lập hợp đồng cho vay, các ông bà có thỏa thuận miệng là lãi suất như Hợp đồng vay ngày 11/10/2018.

Ông Th đã trả nợ 50.000.000 đồng, còn nợ là **2.050.000.000 đồng** (Hai tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng).

Nay, các bên thống nhất thỏa thuận:

- Ông A, bà B, ông Th thỏa thuận đồng ý với mức lãi suất: **10%/năm kể tính từ ngày 30/10/2018.**

- Đến ngày 30/10/2024 ông Th còn nợ bà B, ông A số tiền là:

+ Nợ gốc: 2.050.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng).

+ Nợ lãi: 1.230.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm ba mươi triệu đồng).

Tiền lãi tính từ ngày 30/10/2018 đến ngày 30/10/2024 (06 năm).

Tổng cộng là: **3.280.000.000 đồng** (Ba tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng).

Các đương sự đều xác định đây là khoản nợ riêng của ông Th, không liên quan đến vợ ông Th.

2.2. Các đương sự thống nhất thời hạn thanh toán như sau:

- Chậm nhất ngày 30/12/2024 ông Th trả bà B, ông A ít nhất 100.000.000 đồng (Nợ gốc).

- Chậm nhất ngày 30/01/2025 ông Th trả bà B, ông A ít nhất 100.000.000 đồng (Nợ gốc).

- Chậm nhất ngày 28/02/2025 ông Th trả bà B, ông A ít nhất 100.000.000 đồng (Nợ gốc).

- Chậm nhất ngày 30/03/2025 ông Th trả bà B, ông A ít nhất 100.000.000 đồng (Nợ gốc).

- Chậm nhất ngày 30/4/2025 ông Th trả bà B, ông A ít nhất 100.000.000 đồng (Nợ gốc).

- Chậm nhất ngày 30/5/2025 ông Th trả bà B, ông A ít nhất 100.000.000 đồng (Nợ gốc).

- Chậm nhất ngày 30/6/2025 ông Th tất toán toàn bộ cả nợ gốc và nợ lãi còn lại.

Ông Th tiếp tục phải chịu lãi suất với mức thỏa thuận là **10%/năm** kể từ ngày 31/10/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào theo thỏa thuận trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu tất toán toàn bộ khoản nợ.

2.3. Về án phí: Do các đương sự tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trước khi mở phiên toà nên chỉ phải chịu 50% mức án phí theo quy định. Ghi nhận sự tự nguyện nộp cả án phí dân sự sơ thẩm của bị đơn.

Ông Trần Mạnh Th phải chịu 48.800.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại ông Trần Đức A (bà Lê Thị B nộp) số tiền 44.360.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh theo Biên lai số 0071338 ngày 08/10/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Lan